TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 68/2020/QĐST-HNGĐ	Hai Bà Trưng, ngày 9 tháng 03 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 02 năm 2020

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Hà M Y, sinh năm 1993;

Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1994

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 265A, đường Hoàng L, Tổ 35 phường C, thành phố L

Cùng trú tại: Số 21 Ngõ Tân T – Đ, phường Trương Đ, quận Hai Bà T, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân:

Chị Hà M Y và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng,

tỉnh Lào Cai vào ngày 12/9/2016. Đây là kết hôn lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 21 Ngõ Tân Thịnh - Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai. Anh D, chị Y đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Nay chị Hà M Y và anh Nguyễn Văn D cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung:

Chị Hà M Y và anh Nguyễn Văn D thống nhất xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 07/03/2017. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Nhật M cho chị Hà M Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc tới khi anh chị có sự thay đổi khác.

Anh D có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[3]. Về tài sản chung và nhà ở chung:

Chị Hà M Y và anh Nguyễn Văn D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về công nợ chung:

Chị Hà M Y và anh Nguyễn Văn D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí:

Chị Hà M Y tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân

*** Về tình cảm:** Chị Hà M Y và anh Nguyễn Văn D cùng thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:**

Chị Hà M Y và anh Nguyễn Văn D thống nhất xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 07/03/2017. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Nhật M cho chị Hà M Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc tới khi anh chị có sự thay đổi khác.

Anh D có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:**

Chị Hà M Y và anh Nguyễn Văn D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

*** Về công nợ chung:**

Chị Hà M Y và anh Nguyễn Văn D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án :

Chị Hà M Y tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0003292 ngày 21/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Xuân Quang, H.Bảo Thắng, Lào Cai
(Số 53, năm 2016)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thanh Tú